TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **49**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

2. Bà Nguyễn Thị Hiếu

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Sơn Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hồng Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2025, về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc Nguyễn H, sinh năm 1982, số CCCD: 0790xxxxxxxx, địa chỉ: A Chung cư E, phường P, Quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Trương Ngọc T, sinh năm 1986, số CCCD: 0791xxxxxxxx, địa chỉ: Số M C, phường N, Quận M (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Nguyễn H:

Từ năm 2003, ông H có chung sống với bà Trương Ngọc T. Đến năm 2008, ông H và bà T có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/6/2008.

Đến năm 2010 do mâu thuẫn trong hôn nhân và nhiều lần cãi vã nên ông H và bà T đã ly thân cho đến nay. Rất nhiều lần hòa giải nhưng không thành,

Do đó, ông H làm đơn này để yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H và bà T ly hôn.

Về con chung: Có 1 con chung Phạm Ngọc Gia K, sinh năm 2006, nay đã trưởng thành và hiện đang sống với ông H từ năm 2010 đến nay.

Về tài sản chung: Không có.

- *Bị đơn bà Trương Ngọc T được triệu tập nhưng vắng mặt*

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Phạm Ngọc Nguyễn H có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, trình bày vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với bà T, con chung đã thành niên và tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Trương Ngọc T vắng mặt.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông H về việc xin ly hôn với bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Phạm Ngọc Nguyễn H và bà Trương Ngọc T là tranh chấp về hôn nhân gia đình là yêu cầu ly hôn. Bị đơn bà Trương Ngọc T cư trú tại Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1 (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà T đến phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc Nguyễn H và bà Trương Ngọc T tự nguyện kết hôn. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 1 ngày 04/6/2008, tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh,

có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Ngọc Nguyễn H và bà Trương Ngọc T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Nguyễn H xin ly hôn với bà Trương Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận thấy theo lời khai của ông H, giữa ông H và bà T có do mâu thuẫn trong hôn nhân, nhiều lần cãi vã, hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành nên ông H và bà T đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay, tình cảm giữa ông H và bà T không có khả năng hàn gắn và hiện ông H và bà T không còn sống chung nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Trương Ngọc T. Về phía bà T, mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, triệu tập nhưng bà không đến Tòa án để giải quyết quan hệ hôn nhân giữa bà và ông H, thể hiện không còn quan tâm đến mối quan hệ này.

[3] Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho ông Phạm Ngọc Nguyễn H và bà Trương Ngọc T ly hôn.

Về con chung: Căn cứ lời khai của ông H phù hợp với Giấy khai sinh số 198 Quyển số I, ngày 12/6/2008, tại UBND phường N, Quận M, có căn cứ xác định bà T, ông H có 01 con chung tên Phạm Ngọc Gia K, sinh ngày 16/4/2006, đã thành niên.

[5] Về tài sản chung: Do không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án không giải quyết chia tài sản chung trong vụ án này.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016, án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nguyên đơn ông H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016, Luật thi hành án dân sự,

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Nguyễn H:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc Nguyễn H được ly hôn với bà Trương Ngọc T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Ngọc Gia K, sinh ngày 16/4/2006, đã thành niên.

- Về tài sản chung: Không đương sự nào yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí: Ông Phạm Ngọc Nguyễn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000518 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1 (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1), Thành phố Hồ Chí Minh, ông H đã nộp đủ.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự của vụ án;
- VKSND Khu vực 1;
- Chi cục Thi hành án Khu vực 1;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TAND KHU VỰC 1
ZWE250925.TL.QDBA
2932

Tôn Trung Tuấn